TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con
".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Nguyễn Phương Thanh**

2. Bà **Nguyễn Thị Hương**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:*** *Không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trương Phước M**, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị và anh Trương Phước M do quen biết tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2012 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7/2023 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Phước M.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 22/7/2012 hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Trương Phước M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị L khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn Trương Phước M có địa chỉ tại xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trương Phước M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh M kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2012 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7/2023 đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau, mạnh ai nấy sống, không hàn gắn được. Tại phiên tòa, chị L xác định không còn tình cảm với anh M và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, từ tháng 7/2023 cho đến nay chị L và anh M không còn sống chung với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên anh M cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng anh vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Từ đó cho thấy anh M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L.

Vì vậy, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị L và anh M lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị L yêu cầu được ly hôn với anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 22/7/2012 hiện đang sống với chị L. Theo Giấy xác nhận khuyết tật ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận cháu Trương Minh T bị khuyết tật nghe, nói mức độ nặng nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của cháu T về việc cháu có nguyện vọng sống chung với ai.

Xét thấy, cháu T hiện do chị L nuôi dưỡng và chị L trình bày chị có đủ điều kiện nuôi con do đó để ổn định cuộc sống của cháu T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị L không yêu cầu giải quyết và bị đơn anh M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trương Phước M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 22/7/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, anh Trương Phước M có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000793 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên chị L không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết